

Bản án số: 28/2025/KDTM-ST

Ngày: 17-6-2025

Về việc: “Tranh chấp hợp đồng cho
thuê tài chính”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

2. Bà Nguyễn Thị Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh – Kiểm Sát Viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 211/2024/TLST-KDTM ngày 15 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng cho thuê tài chính*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2025/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 5 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 167/2025/QĐST-KDTM ngày 28/5/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cho thuê tài chính TNHH Một thành viên Quốc tế C.

Trụ sở: Tầng 9-26-27-28-29 Cao ốc S, số 37 đường T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân H là đại diện theo giấy ủy quyền số 99.2025/GUQ-COL ngày 10/02/2025.

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại T

Trụ sở: Số 39 đường N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trùng D, sinh năm 1992;
Địa chỉ: CH 3.09 Khu A2 GV, Phường D, Quận B, TP.HCM.

(có đơn xin vắng mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Thái N, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: 159/11C Đường số E, Tổ B, Khu phố C, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/7/2024, các bản tự khai, Biên bản hòa giải nguyên đơn Công ty cho thuê tài chính TNHH Một thành viên Quốc tế C có bà Nguyễn Thị Xuân H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C là tổ chức tín dụng phi ngân hàng có chức năng cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam. Công ty TNHH Thương mại T là khách hàng thuê tài chính của Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C.

Do Công ty TNHH Thương mại T có nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và đề nghị Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C tài trợ tài chính nên hai bên đã lần lượt ký các Hợp đồng cho thuê tài chính số C220723301 ngày 28/7/2022, số B221215801 ngày 15/12/2022, số B230365401 ngày 07/4/2023 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng thuê”). Theo đó, tài sản mà Công ty TNHH Thương mại T có nhu cầu thuê tài chính bao gồm:

Hợp đồng cho thuê tài chính số C220723301 ngày 28/7/2022 bao gồm: Ô tô tải (thùng kín), hiệu: THACO, biển số: 50LD-192.10; Ô tô tải (thùng kín), Hiệu: THACO, Biển số: 50LD-193.35; Ô tô tải (thùng kín), Hiệu: KIA, Biển số: 50LD-193.91; Ô tô tải (thùng kín), hiệu: KIA, biển số: 50LD-193.93; Ô tô tải (thùng kín), hiệu: THACO, biển số: 50LD-193.90; Ô tô tải (thùng kín), hiệu: THACO, biển số: 50LD-193.80; Ô tô tải (thùng kín), hiệu: THACO, biển số: 50LD-192.34; Ô tô tải (thùng kín), hiệu: KIA, biển số: 50LD-193.74; Ô tô tải (thùng kín), hiệu: KIA, biển số: 50LD-192.54.

Hợp đồng cho thuê tài chính số B221215801 ngày 15/12/2022 gồm có: Ô tô tải VAN, hiệu: THACO, biển số: 50G-020.04; Ô tô tải VAN, hiệu: THACO, biển số: 50G-019.76

Hợp đồng cho thuê tài chính số B230365401 ngày 07/4/2023 gồm có: Ô tô tải (thùng kín), hiệu: ISUZU, biển số: 50H-136.19; Ô tô tải (thùng kín), hiệu: ISUZU, biển số: 50H-073.07; Ô tô tải (thùng kín), hiệu: ISUZU, biển số: 50H-106.46; Ô tô tải (thùng kín), hiệu: THACO, biển số: 50LD-208.33; Ô tô tải (thùng kín), hiệu: FUSO, biển số: 50LD-207.27; Ô tô tải (thùng kín), hiệu: KIA, biển số: 50LD-208.40

Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của bên thuê trong Hợp đồng thuê, Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C có chấp nhận Thư bảo lãnh cá nhân của ông Nguyễn Thái Nhân được lập vào ngày 28/7/2022,

ngày 15/12/2022, ngày 07/4/2023 về việc bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê đối với tất cả Hợp đồng thuê.

Để thực hiện Hợp đồng thuê số C220723301, Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế đã ký Hợp đồng mua bán số C220723301-PC vào ngày 28/7/2022 để mua tài sản cho thuê tài chính theo Hợp đồng thuê từ chính Công ty TNHH Thương mại T và cho Công ty TNHH Công ty TNHH Thương mại T thuê lại các Tài sản thuê này. Công ty TNHH Thương mại T đã xuất Hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C. Sau đó, vào ngày 01/8/2022, Công ty TNHH Thương mại T đã ký Giấy chứng nhận nghiệm thu Tài sản thuê để chấp nhận các Tài sản thuê nêu trên.

Để thực hiện Hợp đồng thuê số B221215801, Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C đã ký các Hợp đồng mua bán số B221215801-PC ngày 15/12/2022 với Công ty TNHH MTV Ô Tô T.H.Đ.B - HCM để mua các Tài sản thuê. Sau đó, vào ngày, 20/12/2022, Công ty TNHH Thương mại T đã ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu Tài sản để nhận bàn giao các Tài sản thuê nêu trên.

Để thực hiện Hợp đồng thuê số B230365401, Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C đã ký các Hợp đồng mua bán số B230365401-01-PC ngày 11/4/2023 với Công ty Cổ phần Lương Thực Thực Phẩm J và Hợp đồng mua bán số B230365401-02-PC ngày 11/4/2023 với Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu S để mua các Tài sản thuê. Sau đó, vào ngày 14/4/2023 và ngày 19/4/2023, Công ty TNHH Thương mại T đã ký các Biên bản bàn giao và nghiệm thu Tài sản để nhận bàn giao các Tài sản thuê nêu trên.

Hàng tháng, Công ty TNHH Thương mại T phải thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C tiền thuê bao gồm một phần Vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền Vốn gốc mà Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi Công ty TNHH Thương mại T trả hết toàn bộ Vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C vẫn là chủ sở hữu của Tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, v.v. đối với Tài sản thuê. Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 26 của Hợp đồng thuê, nếu Công ty TNHH Thương mại T vi phạm nghĩa vụ thanh toán Tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi Tài sản thuê và yêu cầu Công ty TNHH Thương mại T bồi thường thiệt hại (nếu có).

Lãi suất thuê được áp dụng cho các Hợp đồng thuê được quy định cụ thể tại các Thông báo bắt đầu thuê mà Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C đã phát hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật về lãi suất áp dụng cho hoạt động thuê tài chính tại Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty TNHH Thương mại T thanh toán không đúng hạn, mặc dù Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C đã nhiều lần yêu cầu Công ty TNHH Thương mại T thanh toán.

Do Công ty TNHH Thương mại T đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê nên vào ngày 15/3/2024, Công ty C đã phát hành Thông báo về việc chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi Tài sản thuê, yêu cầu Công ty TNHH Thương mại T thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 18/03/2024 là 3.443.112.800 đồng (ba tỷ bốn trăm bốn mươi ba triệu một trăm mười hai nghìn tám trăm đồng).

Công ty C đã tiến hành thu hồi tài sản thuê và thanh lý với số tiền tổng cộng 2.310.000.000 đồng. Công ty C đã dùng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thuê và tiền ký cược để cản trừ nợ nhưng không đủ để bù đắp khoản nợ của Công ty T.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty TNHH Thương mại T phải thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C số tiền nợ tính đến ngày 17/6/2025 là 744.413.112 đồng, cụ thể:

Đối với Hợp đồng thuê số C220723301 ngày 28/7/2022: nợ lãi trong hạn: 39.752.483 đồng.

Đối với Hợp đồng thuê số B221215801 ngày 15/12/2022: nợ lãi trong hạn: 68.521.092 đồng, nợ lãi quá hạn: 4.489.431 đồng.

Đối với Hợp đồng thuê số B230365401 ngày 07/4/2023: nợ gốc: 202.146.707 đồng, nợ lãi trong hạn 429.503.399 đồng.

- Bị đơn Công ty TNHH Thương mại T: Vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thái N: Vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C có bà Nguyễn Thị Xuân H là người đại diện theo ủy quyền có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và xác định nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

Đề nghị Tòa án buộc bị đơn là Công ty TNHH Thương mại T phải trả cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C số nợ tính đến ngày 17/6/2025 là 744.413.112 đồng.

Trường hợp Công ty T không thanh toán khoản nợ nêu trên thì ông Nguyễn Thái N phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ này theo Hợp đồng bảo lãnh số CLC-10178-7108737-C-01 ngày 25/12/2023.

Bị đơn Công ty TNHH Thương mại T: có ông Nguyễn Trùng D là người đại diện theo pháp luật có đơn vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thái N: vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng thủ tục tố tụng quy định. Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn Công ty cho thuê tài chính TNHH Một thành viên Quốc tế C khởi kiện “tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính” với bị đơn Công ty TNHH Thương mại T có trụ sở tại 39 đường N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty cho thuê tài chính TNHH Một thành viên Quốc tế C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn Công ty TNHH Thương mại T có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn Công ty TNHH Thương mại T.

Xét, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thái N đã được Tòa án niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nhân.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ vào Hợp đồng các Hợp đồng cho thuê tài chính số C220723301 ngày 28/7/2022, số B221215801 ngày 15/12/2022, số B230365401 ngày 07/4/2023 ký kết giữa Công ty cho thuê tài chính TNHH Một thành viên Quốc tế C và Công ty TNHH Thương mại T thì xác định Công ty T có thỏa thuận với Công ty C về việc thuê các tài sản gồm các xe ô tô trong thời gian 48 tháng, tiền thuê được trả theo hàng tháng bao gồm tiền gốc và lãi tính trên dư nợ giảm dần.

Căn cứ theo thông tư số 26/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 thì cho thuê tài chính tài chính là hoạt động cấp tín dụng trung và dài hạn, các hợp đồng cho thuê tài chính giữa Công ty C và Công ty T là phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, mức lãi suất thỏa thuận phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng và Quy chế cho vay 1627 ngày

31/12/2001 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Việc thỏa thuận của các đương sự tại các hợp đồng cho thuê tài chính nói trên được xác lập trên cơ sở bình đẳng, tự nguyện, hợp pháp nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên đối với nhau.

Quá trình thực hiện các hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên, Công ty TNHH Thương mại T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Qua nhiều lần nhắc nhở nhưng Công ty T vẫn không trả nợ nên ngày 15/02/2024 Công ty C đã thông báo thu hồi nợ và chuyển toàn bộ dư nợ của Hợp đồng tín dụng sang tính lãi quá hạn đồng thời thu hồi và xử lý tài sản thuê như thỏa thuận tại các hợp đồng cho thuê tài chính.

Như vậy do Công ty T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán như đã thỏa thuận tại các hợp đồng cho thuê tài chính là vi phạm khoản 1, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty TNHH Thương mại T phải trả cho Công ty cho thuê tài chính TNHH Một thành viên Quốc tế C nợ gốc và lãi tính đến ngày 17/6/2025 như sau:

Căn cứ Thư bảo lãnh cá nhân của ông Nguyễn Thái N được lập vào ngày 28/7/2022, ngày 15/12/2022, ngày 07/4/2023 theo đó ông Nguyễn Thái N nhận bảo lãnh toàn bộ nghĩa vụ thanh toán của Công ty T trong hợp đồng các hợp đồng cho thuê tài chính trên. Theo điều 342 của Bộ luật dân sự thì trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đủ nghĩa vụ thanh toán thì ông Nguyễn Thái N phải thực hiện thay bằng tài sản của mình. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Nguyễn Thái N thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty C nếu Công ty T không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ cho Công ty C.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2, Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí là 33.776.524 (ba mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi bốn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 147; khoản 2, Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; khoản 1, Điều 466, Điều 335, Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty cho thuê tài chính TNHH Một thành viên Quốc tế C:

Buộc bị đơn Công ty TNHH Thương mại T phải trả cho Công ty cho thuê tài chính TNHH Một thành viên Quốc tế C số tiền tổng cộng là 744.413.112 (bảy trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm mười ba nghìn một trăm mười hai) đồng, trong đó:

- Đối với Hợp đồng thuê số C220723301 ngày 28/7/2022:
 - + Nợ lãi trong hạn: 39.752.483 đồng.
- Đối với Hợp đồng thuê số B221215801 ngày 15/12/2022:
 - + Nợ lãi trong hạn: 68.521.092 đồng,
 - + Nợ lãi quá hạn: 4.489.431 đồng.
- Đối với Hợp đồng thuê số B230365401 ngày 07/4/2023:
 - + Nợ gốc: 202.146.707 đồng,
 - + Nợ lãi trong hạn: 429.503.399 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận tại các Hợp đồng cho thuê tài chính số C220723301 ngày 28/7/2022, số B221215801 ngày 15/12/2022, số B230365401 ngày 07/4/2023.

Trường hợp Công ty TNHH Thương mại T không trả nợ hoặc trả không đủ thì ông Nguyễn Thái N phải có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cho thuê tài chính TNHH Một thành viên Quốc tế C bằng tài sản của mình đối với các khoản nợ nêu trên theo các thư bảo lãnh ngày 28/7/2022, ngày 15/12/2022, ngày 07/4/2023.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH Thương mại T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 33.776.524 (ba mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi bốn) đồng.

- Hoàn lại cho Công ty cho thuê tài chính TNHH Một thành viên Quốc tế C số tiền tạm ứng án phí 27.905.234 (hai mươi bảy triệu chín trăm lẻ năm nghìn hai trăm ba mươi bốn) đồng theo biên lai thu số 0059182 ngày 15/11/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Công ty cho thuê tài chính TNHH Một thành viên Quốc tế C; Công ty TNHH Thương mại T, ông Nguyễn Thái N được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (Dung).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Duy